

^=^ Đặng Hoàng Hải ^=^

hoanghai.dang@gmail.com – hoanghai85lc@yahoo.com

History E-Books: HD110506033 **Compiled & Published by Rosea**

Trang Trình Nguyễn Bình Khiêm **(King Rosea is one of millions Trình Quốc Công's Fans)**

Nguyễn Bình Khiêm (1491-1585)

Ông sinh ngày 6/4/1491 tại làng Trung Am, huyện Vĩnh Lại, tỉnh Kiến An (nay là thôn Trung Am, xã Lý Học, huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng), **Nguyễn Bình Khiêm** là một danh nhân văn hoá kiệt xuất của Việt Nam và là một trong những người đặt nền móng cho sự phát triển của nền giáo dục Việt Nam. Lúc sinh thời, ông có nhiều học trò giỏi như Lương Hữu Khánh, Phùng Khắc Khoan, **Nguyễn** Quyên, **Nguyễn** Dữ... Năm Ất Mùi (1535) đời Mạc Thái Tông, ông đỗ Đình Nguyên, Trạng Nguyên. Làm quan từ chức Hiệu Thư Đông Các đến Thị lang Bộ Lại. Năm Nhâm Dần (1542), ông từ chức về quê, dựng quán Trung Tân, lập Am Bạch Vân, lấy hiệu là Bạch Vân Am cư sĩ

Am Bạch Vân là một Trường đại tập nổi tiếng, sĩ tử khắp nơi đã đến đây theo học. Ông còn sáng tác nhiều thơ văn có giá trị, tuy vậy đến nay hầu như đã thất truyền nên chỉ còn lại tập thơ chữ Hán Bạch Vân Am thi tậppppp, tập thơ chữ nôm Bạch Vân quốc ngữ thi tậppppp và một số **sám** vĩ tương truyền là lời tiên tri của ông. Do có nhiều công lớn, đầu đời Mạc Hậu Hợp, **Nguyễn Bình Khiêm** được phong Thái phó, Thượng thư Bộ lại, Trình Quốc Công (bia chùa Cao Dương). Lúc ông mất, Mạc Đông Nhung, phụ chính đại thần tự tay viết biển ngạch đặt ở đền dòng chữ Mạc triều trang nguyên tử tử tử tử.

Năm 1985, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng đã phối hợp với Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam long trọng tổ chức kỷ niệm ngày sinh của ông. Nhân dịp này, Hội nghị khoa học toàn quốc về **Nguyễn Bình Khiêm** do Hội đồng Lịch sử thành phố Hải Phòng và Viện Văn học chủ trì cũng được tổ chức. Nhân 500 năm ngày sinh **Nguyễn Bình Khiêm** (1991), Chính phủ đã tổ chức lễ kỷ niệm với nghi thức Nhà nước tại Văn Miếu, Hà Nội. Hiện ông được xếp là một trong 13 danh nhân văn hoá lớn của dân tộc Việt Nam.

Đền thờ Trình Quốc Công tại Trung Am, xã Lý học, huyện Vĩnh Bảo đã được Nhà nước công nhận là di tích lịch sử - văn hoá cấp quốc gia. Để ghi nhớ những đóng góp lớn lao của ông, Ủy ban nhân dân thành phố đã lấy tên ông đặt tên cho con đường lớn thuộc quận Ngô Quyền. Đồng thời, giải thưởng khoa học và giải thưởng văn học - nghệ thuật (cao nhất của thành phố) cũng đã được vinh dự mang tên **Nguyễn Bình Khiêm**. Tượng của danh nhân **Nguyễn Bình Khiêm** được dựng tại Khu di tích và Thư viện Khoa học tổng hợp với qui mô lớn.

^=^ Đặng Hoàng Hải ^=^

hoanghai.dang@gmail.com – hoanghai85lc@yahoo.com

Sấm Trạng Trình

Vận lành mừng gặp tiết lành
Thấy trong quốc ngữ lập thành nên câu
Một câu là một nhiệm màu
Anh hùng gẫm được mới hầu giá cao
Trải vì sao mây che Thái Ất
Thừa cung tay xe nhật phù lên
Việt Nam khởi tổ xây nên
Lạc Long ra trị đương quyền một phương
Thịnh suy bi thối lẽ thường
Một thời lại một nhiều nhường nên lẽ
Đến Đinh Hoàng nói ngôi cửu ngũ
Mở bản đồ rủ áo chấp tay
Ngự đao phút chốc đổi thay
Thập bát tử rày quyền đã nổi lên
Đông a âm vị nhi thuyên
Nam phương kỳ mộc bồng liên lại sinh
Chấn cung hiện nhật quang minh
Sóng lay khôn chống trường thành bền cho
Đoài cung vẽ rạng trăng thu
Ra tay mở lấy đế đô vạn toàn
Sang cửu thiên ám vàng hồng nhật
Dưới lẫn trên năng vẫn uống quen
Sửa sang muôn việc cầm quyền
Ngôi không ai dễ khăng nhìn giúp cho
Kìa liệt vương khí hư đồ ủng
Mặc cường hầu ong ỏng tranh khôn
Trời sinh ra những kẻ gian
Mặt khôn đối phép, mặt ngoan tham tài
Áo vàng ảm áp đà hay
Khi sui đắp núi khi say xây thành
Lấy đạt điền làm công thiên hạ
Được mấy năm đất lở giếng mòn
Con yết ạch ạch tranh khôn
Vô già mở hội mộng tôn làm chùa
Cơ trời xem đã mê đồ
Đã đô lại muốn mở đô cho người
Áy lòng trời xuôi lòng bất nhẫn
Suốt vạn dân cừ giận oán than
Dưới trên dốc chí lo toan
Những đua bán nước bán quan làm giàu
Thống rủ nhau làm mỗi phú quý

^=^ Đặng Hoàng Hải ^=^

hoanghai.dang@gmail.com – hoanghai851c@yahoo.com

Mấy trung thân có chí an dân
Đua nhau làm sự bất nhân
Đã tuần bốn bề lại tuần đầu non
Dư đồ chia xẻ cần khôn
Mỗi giềng man mác khiếp mòn lòng nhau
Vội sang giàu giết người lấy của
Sự có chẳng mặc nợ ai đòi
Việc làm thất chính toi bời
Minh ra bỗng lại thất thối bấy giờ
Xem tượng trời đã giờ ra trước
Còn hung hăng bạc ngược quá xưa
Cuồn phong cả sớm liền trưa
Đã đờn cử khúc còn thơ thi đề
Ấy Tần Vương ngu mê chẳng biết
Đê vạn dân dề lại giết dề
Luôn năm chặt vật đi về
Âm binh ở giữa nào hề biết đâu
Thấy nội thành tiếng kêu ong ong
Cũng một lòng trời chống khác nào
Xem người dường vững chiêm bao
Nào đâu còn muốn ước ao thái bình
Một góc thành làm tâm chứng quỷ
Đua một lòng ích kỷ hại nhân
Bốn phương rời rờ hồng trần
Làng khua mở cá lãng phân điểm tuần
Tiếc là những xuất dân làm bạo
Khua đục loài thỏ cáo tranh nhau
Nhân danh trọn hết đầu đầu
Bấy giờ thiên hạ âu sâu càng ghê
Hùm già lạc dấu khôn về
Mèo non chí chí tìm về cố hương
Chân dê móng khởi tiêu tường
Nghỉ nhau ai dễ sửa sang một mình
Nội thành ong ong hư kinh
Đầu khi tin sứ chèo thành lại sang
Bỏ mồ hôi Bắc giang tái mã
Giữa hai xuân bỗng phá tổ long
Quốc trung kinh dụng cáo không
Giữa năm giả lai kiếm hung mùa màng
Gà đầu sớm gáy bên tường
Chẳng yêu thì cũng bắt tường chẳng không
Thủy binh cò phát vàng hồng
Bộ binh tấp nập như ong kéo hàng
Đứng hiên ngang đó ai biết trước
Ấy Bắc binh sang việc gì chẳng ?

^=^ Đặng Hoàng Hải ^=^

hoanghai.dang@gmail.com – hoanghai85lc@yahoo.com

Ai còn khoe trí khoe năng
Cầm kia bắt nọ tung bùng đôi nơi
Chưa từng thấy đời này sự lạ
Bỗng khiến người giá họa cho dân
Muôn bình sao chẳng lấy nhân
Muôn yên sao chẳng dục dân ruộng cày
Đã nên si Hoàn Linh đời Hán
Đúc tiền ra bán tước cho dân
Xun xoe những rắp cây quân
Chẳng ngờ thiên đạo xây dần đã công
Máy hoá công nắm tay dễ ngỗ
Lòng báo thù ai dễ đã nguôi
Thung thăng tưởng thấy đạo trời
Phù Lê diệt Mạc nghi đời quân ra
Cát lằm bốn bể can qua
Nguyễn thì chẳng được sẽ ra lại về
Quần hùng binh nhuệ đầy khe
Kẻ xưng cứu nước kẻ khoe trị đời
Bấy giờ càng khốn than ôi
Quý ma trật vật biết trời là đâu ?
Thương những kẻ ăn rau ăn giới
Gặp nước bung con cái ần đầu
Báo thù ấy chẳng sai đâu
Tìm non có rẫy chùng sau mới toàn
Xin những kẻ hai lòng sự chúa
Thấy đâu hơn thì phụ thừa ân
Cho nên phải báo trăm luân
Ai khôn mới được bảo thân đời này
Nói cho hay khảm cung rồng dấy
Chí anh hùng xem lấy mới ngoan
Chữ Rằng lục thất nguyệt gian
Ai mà nghĩ được mới gan anh tài
Hễ nhân kiến đã dời đất cũ
Thì phụ nguyên mới chỗ binh ra
Bốn phương chẳng động can qua
Quần hùng các xứ điều hoà làm tôi
Bấy giờ mở rộng qui khôi
Thần châu thu cả mọi nơi vạn toàn
Lại nói sự Hoàng Giang sinh thánh
Hoàng phúc xưa đã định tây phong
Lầu lầu thế giới sáng trong
Lồ lộ mặt rồng đầu có chữ vương
Rỏ sinh tài lạ khác thường
Thuần Nghiêu là chí Cao Quang là tài
Xem ý trời có lòng đãi thánh

^=^ Đặng Hoàng Hải ^=^

hoanghai.dang@gmail.com – hoanghai85lc@yahoo.com

Dốc sinh hiền điều đình nội mai
Chọn đầu thai những vì sao cả
Dùng ở tay phụ tá vương gia
Bắc phương chính khí sinh ra
Có ông Bạch sĩ điều hoà hôm mai
Song thiên nhật rạng sáng soi
Thánh nhân chẳng biết thì coi cho tường
Đời này thánh kể vị vương
Đủ no đạo đức văn chương trong mình
Uy nghi trạng mạo khác hình
Thác cư một góc kim tinh phương đoài
Cùng nhau khuya sớm dưỡng nuôi
Chờ cơ sẽ mới ra tài cứu dân
Bình thơ mấy quyển kinh luân
Thiên văn địa lý nhân luân càng mâu
Ở đâu đó anh hùng hẳn biết
Xem sắc mây đã biết thành long
Thánh nhân cư có thụ cung
Quân thần đã định gìn lòng chó tham
Lại dặn đấng tú nam chí cả
Chớ vội vàng tất tả chạy rong
Học cho biết lý kiết hung
Biết phương hướng bội chớ dùng làm chi
Hễ trời sinh xuống phải thì
Bất kỳ chi ngộ màng gì tưởng trông
Kìa những kẻ vội lòng phú quý
Xem trong mình một thí đều không
Ví dù có gặp ngư ông
Lưới chài đâu sẵn nên công mà hồng
Xin khuyên đấng thời trung quân tử
Lòng trung nghi ai nhớ cho tinh
Âm dương cơ ngẫu ngộ sinh
Thái nhâm thái ất trong mình cho hay
Văn thì luyện nguyên bài quyết thắng
Khen Tử Phòng cũng đấng Khổng Minh
Võ thông yên thủy thần kinh
Được vào trận chiến mới càng biến cơ
Chớ vật vờ quen loài ong kiến
Biết ray tay miệng biếng nói không
Ngỏ hay gặp hội mây rồng
Công danh sáng chói chép trong vân đài
Bấy giờ phi sức chí trai
Lộ là cho phải ngược xuôi nhọc mình
Nặng lòng thật có vĩ kinh
Cao tay mới găm biết tình năm nao

^=^ Đặng Hoàng Hải ^=^

hoanghai.dang@gmail.com – hoanghai85lc@yahoo.com

Trên trời có mây vì sao
Đủ nho biên tướng anh hào đôi nơi
Nước Nam thường có thánh tài
Ai khôn xem lấy hôm mai mới tường
So mấy lời để tàng kim qui
Chờ hậu mai có chí sẽ cho
Trước là biết nẻo tôn phò
Sau là cao chí biết lo mặc lòng
Xem đoàn cung đến thời bất tạo
Thấy vĩ tinh liệu rạo cho mau
Ngươi lòng tham tước tham giàu
Tìm nơi tam hiểm mới hầu bảo thân
Trẻ con mang mệnh tướng quân
Ngỡ oai đã dấy ngõ nhân đã nhường
Ai lấy gương vua U thừa trước
Loạn ru vì tham ngược bất nhân
Đoài phương ong khởi lần lần
Muôn sinh ba cốc cầm binh dấy loạn
Man mác một đỉnh Hoàn Sơn
Thừa cơ liền mới nổi cơn phục thù
Ấy là những binh thù Thái Thái
Lòng trời xui ai nấy biết ru ?
Phá điền dầu khi cuối thu
Tái binh mới động thập thò liền sang
Lọ chẳng thường trong năm khôn xiết
Vẽ lại thêm hung kiệt mất mùa
Lưu tinh hiện trước đôi thu
Bấy giờ thiên hạ mây mù đủ năm
Xem thấy những sương sấm tuyết lạnh
Loài bất bình tranh mạnh hung hăng
Thành câu cá, lừa tung bưng
Kẻ ngàn Đông Hải người rừng Bắc Lâm
Chiến trường chồn chồn cát lấm
Kẻ nằm đầy đất kẻ trằm đầy sông
Sang thu chín huyết hồng tứ giả
Noi đảng dè tranh phá đôi nơi
Đua nhau đồ thán quần lê
Bấy giờ thiên hạ không bẻ tựa nương
Kẻ thì phải thua hung hoang
Kẻ thì bình hòa chiến trường chết oan
Kẻ thì mắc thua hung tàn
Kẻ thì bận của bổng toan khôn mình
Muông vương dựng ổ cản tranh
Điều thì làm chức xuất binh thủ thành
Bời bời đua mạnh tranh giành

^=^ Đặng Hoàng Hải ^=^

hoanghai.dang@gmail.com – hoanghai85lc@yahoo.com

Ra đầu đánh đậy đem binh sớm ngày
Bê thanh cá phải ẩn cây
Đất bằng nổi sấm cát bay mịt mù
Nào ai đã dễ nhìn U
Thủy chiến bộ chiến mặc dù đòi con
Cây bay lá lửa đôi ngàn
Một làng còn mấy chim đàn bay ra
Bốn phương cùng có can qua
Làm sao cho biết nơi hào bảo thân
Đoài phương thực có chân nhân
Quần tiên khởi nghĩa chẳng phân hại người
Tìm cho được chốn được nơi
Thái nguyên một giải lần chơi trú đình
Bốn bề núi đá riêu quanh
Một đường tiêu mạch nương mình dấy an
Hể Đông Nam nhiều phen tàn tạ
Tránh cho xa kéo mắc đao binh
Bắc kinh mới thật đế kinh
Dấu thân chưa dễ dấu danh được nào
Chim hồng vỗ cánh bay cao
Tìm cho được chốn mới vào thân kinh
Ai dễ cứu con thơ sa giếng
Đưa một lòng tranh tiếng đục nhau
Vạn dân chịu thừa u sầu
Kể dư đôi ngủ mới hầu khoan cho
Cây cày thu đãi thời mùa
Bảy giờ phá ruộng lọ chờ mượn ai
Nhân ra cận duyệt viễn lai
Chẳng phiền binh nhọc chẳng nài lương thêm
Xem tượng trời biết đường đời trị
Gắm về sau họ Lý xưa nên
Giòng nhà để lấy dấu truyền
Gắm xem bốn báu còn in đời đời
Thần qui cơ nổ ở trời
Đề làm thần khí thừa nơi trị trường
Lại nói sự Hoàng Giang sinh thánh
Sông Bảo Giang thiên định ai hay
Lục thất cho biết ngày dài
Phụ nguyên ấy thực ở đây tào Khê
Có thầy nhân thập đi về
Tả phụ hữu trì cây cỏ làm binh
Giốc hết sức sửa sang vương nghiệp
Giúp vạn dân cho đẹp lòng trời
Ra tay điều chỉnh hộ may
Bây giờ mới biết rằng tài yên dân

^=^ Đặng Hoàng Hải ^=^

hoanghai.dang@gmail.com – hoanghai85lc@yahoo.com

Lọ là phải nhọc kéo quân
Thấy nhân ai chẳng mến nhân tìm về
Năm giáp tý vẽ khuê đã rạng
Lộ Ngũ tinh trình tượng thái hanh
Ân trên vũ khí vân hành
Kẻ thơ ký tuý kẻ canh xuân đài
Bản đồ chẳng sót cho ai
Nghìn năm lại lấy hội nơi vẹn toàn
Vững nền vương cha truyền con nối
Đôi muôn đời một mối xa thư
Bể kinh tâm lặng bằng tờ
Trăng thanh ai chẳng ơn nhờ gió xuân
Âu vàng khỏe đặt vững chân
Càng bên thế nước vạn xuân lâu dài
Vừa năm nhâm tý xuân đầu
Thanh nhàn ngồi tựa hương câu nghĩ đời
Quyển vàng mở thấy sấm trời
Từ Đĩnh đôi đời chí lực thất gian
Một thời có một tôi ngoan
Giúp trong việc nước gặp an thái bình
Luận chung một tập kim thời
Tướng quyền tử sĩ nam nhi học đời
Trượng phu có chí thời coi
Những câu nhiệm nhật đáng đôi hành vàng
Tài này nên đáng vẽ vang
Biết chừng đời trị biết đường đời suy
Kể từ nhân đoán mà đi
Số chưa gặp thì biết hoà chép ra
Tiếc thay hiền sĩ bao già
Ước bằng Bành Tổ ắt là Thái Công
Thử cho tay giúp ra dùng
Tài này so cùng tài trước xem sao
Trên trời kể chín tầng cao
Tay nghe bằng một ti hào biết hay
Hiềm vì sinh phải thời này
Rắp thù mở nước tiếc thay chung đời
Hợp đà thay thánh nghìn tài
Giáng sinh rui kiếp qui ma nhà trời
Nói ra thì lậu sự đời
Trái tai phải lụy tài trai khôn luận
Nói ra am chúa bội quân
Đương thời đời trị xoay vần được đâu
Chờ cho nhân đoán hết sau
Đến chừng đời ấy thấy âu nhiều nản
Trời xui những kẻ ắt gian

^=^ Đặng Hoàng Hải ^=^

hoanghai.dang@gmail.com – hoanghai85lc@yahoo.com

Kiếp độc đạo thiết làm loạn có hay
Vua nào tôi ấy đã bày
Trên đầu bất chính dưới nay dấy loạn
Đua nhau bội bạn nghịch vi
Ích gia phi kỹ dân thì khốn thay
Tiếc tài gẫm được thời hay
Đã sao như vậy ra tay sẽ dùng
Tài trai có chí anh hùng
Muốn làm tướng sủng lập công xung đời
Khá xem nhiệm nhứt tội trời
Cơ mưu nhiệm nhứt mấy trai anh hùng
Đi tìm cho đến đế cung
Ráp phù xuất lực đế cung được toàn
Bảo nhau cương kỷ cho tường
Bốn phương cũng được cho yên trong ngoài
Chờ cho động đất chuyển trời
Bấy giờ thánh sẽ nên tay anh hùng
Còn bên thì nấu chưa xong
Nhân lực cướp lấy thiên công những là
Đời ấy những qui cùng ma
Chàng còn ở thật người ta đâu là
Trời cao đất rộng bao xa
Làm sao cho biết cửa nhà đế vương
Dù trai ai chữa biết tường
Nhất thổ thời sĩ Khảm Phương thuở này
Ý ra lục thất gian nay
Thời vận đã định thời này hưng vương
Trí xem nhiệm nhứt cho tường
Bảo Giang thánh xuất trung ương thuở này
Vua ngự thạch bàn xa thay
Đại ngàn vắng vẻ những cây cùng rừng
Gà kêu vượn hót vang lừng
Đường đi thỏ thẻ dặm chun khôn dò
Nhân dân vắng mặt bằng tờ
Sơn lâm vào ở đồ nhờ khôn thay
Vua còn cuộc nguyệt cày mây
Phong điều vũ thuận thú rày an dân
Phong đăng hoà cốc chứa chang
Vua ở trên ngàn có ngũ sắc mây
Chính cung phương khảm vắn mây
Thực thay thiên tử là nay trị đời
Anh hùng trí lượng thời coi
Công danh chẳng ngại tìm đời ra đi
Tim lên đến thạch bàn khô
Có đất sinh thánh bên kia cuối làng

^=^ Đặng Hoàng Hải ^=^

hoanghai.dang@gmail.com – hoanghai85lc@yahoo.com

Nhìn đi nhìn lại cho tường
Dường như chưa có sinh vương đâu là
Chẳng tìm thì đến bình gia
Thánh chưa sinh thánh báo ca địa bình
Nhìn xem phong cảnh cũng xinh
Tả long triều lại có thành đợt vây
Hữu hồ uẩn khúc giang này
Minh Đường thất diệu trước bày mặt tai
Ở xa thấy một con voi
Cúi đầu quen bụi trông vời hồ sâu
Ấy điềm thiên tử về châu
Tượng trưng để thánh tô lâu trị đời
Song thiên nhật nguyệt sáng soi
Sinh đặng chúa ấy là ngôi chẳng cầu
Đến đời thịnh vượng còn lâu
Đành đến tam hợp chia nhau sẽ làm
Khuyên cho Đông Bắc Tây Nam
Muôn làm tướng sủng thì xem trông này

Thiên sinh thiên tử ư hỏa thôn
Một nhà họ Nguyễn phúc sinh tôn
Tiền sinh cha mẹ đà cách trở
Hậu sinh thiên tử Bảo Giang môn
Kìa cơn gió thổi lá rung cây
Rung Bắc sang Nam Đông tới Tây
Tan tác kiến kiêu an đất nước
Xác xơ cỏ thụ sạch am mây
Sơn lâm nổi sóng mù thao cát
Hung địa tràng giang hóa nước đầy
Một gió một yên ai sùng bái
Cha con người Vĩnh Bảo cho hay
Con mừng búng tí con quay
Vù vù chong chóng gió bay trên đài
Nhà cha cửa đóng then cài
Àm âm sấm động hỏi người đông lân
Tiếc tám lạng thương nửa cân
Biết rằng ai có du phần như ai
Bắt tay nằm nghỉ đông dài
Thương người có một lo hai phận mình
Canh niên tân phá
Tuất hội phục sinh
Nhị Ngũ dư bình
Long hổ xà đầu khởi chiến tranh
Can qua tứ xứ loạn đao binh
Mã đề dương cước anh hùng tận

^=^ Đặng Hoàng Hải ^=^

hoanghai.dang@gmail.com – hoanghai85lc@yahoo.com

Thân đậu niên lai kiến thái bình
Non đoài vắng vẻ bấy nhiêu lâu
Có một đàn xà đánh lộn nhau
Vượn nọ leo cành cho sỉ bóng
Lợn kia làm quái phải sai đầu
Chuột nọ lăm le mong cắn tổ
Ngựa kia đứng đỉnh bước về tàu
Hùm ở trên rừng gầm mới dậy
Tìm về quê củ bắt ngựa tàu
Cửu cửu kiên khôn dĩ định
Thanh minh thời tiết hoa tàn
Trực đảo dương đầu mã vĩ
Hồ binh bát vạn nhập trường an
Bảo Giang thiên tử xuất
Bất chiến tự nhiên thành
Lê dân bảo bảo noãn
Tứ hải lạc âu ca
Dục đức thánh nhân hương
Qua kiều cư Bắc phương
Danh vi Nguyễn gia tử
Kim tịch sinh ngư lang
Thượng đại nhân bất nhân
Thánh ắt dĩ vong ân
Bạch hổ kim đai ấn
Thất thập cổ lai xuân
Bắc hữu kim thành tráng
Nam tạc ngọc bích thành
Hòa thôn đa khuyến phệ
Mục giả dục nhân canh
Phú quý hồng trần mộng
Bần cùng bạch phát sinh
Anh hùng vương kiếm kích
Manh cổ đồ thái bình
Nam Việt hữu Ngư tinh
Quá thất thân thủy sinh
Địa giới sĩ vị bạch
Thủy trầm nhi bắc kinh
Kỷ mã xu dương tâu
Phù kê thăng đại minh
Trư thử giai phong khởi
Thìn mao xuất thái bình
Phân phân tùng Bắc khởi
Nhiều nhiều xuất Đông chinh
Bảo sơn thiên tử xuất
Bất chiến tự nhiên thành

^^ Đặng Hoàng Hải ^^

hoanghai.dang@gmail.com – hoanghai85lc@yahoo.com

Thủy trung tàng bảo cái
Hứa cập thánh nhân hương
Mộc hạ châm châm khẩu
Danh thế xuất nan lương
Danh vi Nguyễn gia tử
Tinh bản tại ngư lang
Mại dử lê viện dưỡng
Khởi nguyệt bộ đại giang
Hoặc kiều tam lộng ngạn
Hoặc ngụ kim lăng cương
Thiên dử thần thực thụ
Thụ trình ngũ sắc quang
Kim kê khai lự điệp
Hoàng cái xuất qui phương
Nhân nghĩa thù vi địch
Đạo đức thực dử đương
Tộ truyền nhị thập ngũ
Vận khái ngũ viên trường
Vận đảo dương hầu ách
Chấn đoài cương bắt trường
Quần gian đạo danh tự
Bách tính khổ tai ương
Can qua tranh đấu khởi
Phạm địch tánh hung hoang
Ma vương sát đại qui
Hoàng thiên tru ma vương
Kiền khôn phú tai vô lương
Đào viên đỉnh phát quần dương tranh hùng
Cơ nhị ngũ thư hùng vị quyết
Đào Hoàn Sơn tam liệt ngũ phân
Ta hồ vô phụ vô quân
Đào viên tán lạc ngô dân thủ thành
Đoài phương phước địa giáng linh
Cửu trùng thụ ứng long thành ngũ vân
Phá điền thiên tử giáng trần
Dũng sĩ nhược hai mưu thần như lâm
Trần công nai thị phúc tâm
Giang hồ tử sĩ đào tiềm xuất du
Tướng thần hệ xuất y chu
Thứ kỵ phục kiến Đường ngu thi hành
Hiệu xưng thiên hạ thái bình
Đông Tây vô sự Nam thành quốc gia

^=^ **Đặng Hoàng Hải** ^=^

hoanghai.dang@gmail.com – hoanghai85lc@yahoo.com

Tài tình của Sấm Trạng Trình

753.XIN cho biết một số giai thoại về lời sấm của Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm? IBM (Tp.HCM).

● Sấm Trạng Trình được ghi lại 487 câu dự báo. Nhiều câu trong số đó được nghiệm ứng với các sự kiện diễn ra sau này.

Một số thí dụ: *Khi nào Yên Xá bỏ đôi/ Sông Hàn nổi lại thì tôi lại về.* Năm 1991, làng Yên Xá tách đôi. Nhân dịp khánh thành cây cầu lớn bắc qua sông Hàn, bác Phạm Văn Đồng cùng một số lãnh đạo về dự. Nhân dịp đó, bác ghé ngôi nhà xưa của Trạng Trình nhân 500 năm ngày sinh. Lúc đó người ta mới ngó ra và nhớ lại câu đồng dao trước kia, hóa ra Trạng Trình đã biết trước việc bác Phạm Văn Đồng đến thăm 500 năm sau và việc chia làng, bắc cầu.

Nguyễn Bình Khiêm để lại những tác phẩm có giá trị như: *Bạch Vân thi tập* và *Trình quốc công Nguyễn Bình Khiêm thi tập*. Đọc thơ ông là thấy cả một tấm lòng lo cho nước, thương dân: "Tiên thiên hạ chi ưu nhi ưu, hậu thiên hạ chi lạc nhi lạc" (Lo trước cái lo của thiên hạ, vui sau cái vui của thiên hạ).

Lê Minh Khanh (Thanh Hóa)

● Chúa Nguyễn Hoàng hỏi Trạng, được phán "Hoành Sơn nhất đại, vạn đại dung thân". Nguyễn Hoàng xin vào trấn thủ Thuận Hóa phía nam dãy Hoành Sơn, mở ra nhà Nguyễn truyền nối lâu dài...

Họ Mạc khi thất thế được Trạng nói "Cao Bằng tuy thiếu, khả diên sở thế" (Đất Cao Bằng tuy nhỏ, nhưng dung thân được vài đời). Quả nhiên, con cháu nhà Mạc chạy lên đó làm vua được gần 70 năm mới bị đánh bại.

"Cửu cửu càn khôn dĩ định/ Thanh minh thời tiết hoa tàn/ Trục đáo dương đầu mã vĩ/ Hồ binh bát vạn nhập Tràng An".

Càn khôn dĩ định - là số trời đã định, 9 lần 9 là 81 năm vào tiết thanh minh, đầu năm Dê (1955) cuối năm Ngựa (1954) tám vạn lính Cụ Hồ vào Tràng An (Hà Nội) giải phóng thủ đô, kết thúc nền đô hộ của Pháp kéo dài 81 năm. Đó là 10.10.1954.

Lê Thái Dũng (Cầu Giấy, Hà Nội)

● Viện nghiên cứu Hán - Nôm còn lưu trữ bốn bản "sấm ký" và các giai thoại về ông đều xuất phát chủ yếu từ các "câu sấm" này. Năm 1556, vua Lê Trung Tông mất, không có con nối dõi. Thái sư Trịnh Kiểm muốn tự lập làm vua, nhưng còn ngại, bèn hỏi ý Trạng Trình. Đang bàn với người nhà về việc rước nượng, ông nói bóng gió: "Năm nay mất mùa, giống lúa không được tốt, lấy lại giống cũ mà

^^ Đặng Hoàng Hải ^^

hoanghai.dang@gmail.com – hoanghai851c@yahoo.com

trông". Rồi ông dẫn đi thăm chùa, gặp chú tiểu đang quét chùa, ông khen: "Giữ chùa thờ Phật thì ăn xôi ăn oản". Trịnh Kiểm hiểu ý, bỏ ý định soán ngôi, tìm cháu 5 đời của Lê Trừ (là anh ruột của vua Lê Lợi), lập lên làm vua, tức vua Lê Anh Tông.

Trạng Trình còn có một câu sấm rất đáng suy nghĩ: Hồng Lam ngũ bách niên thiên hạ. Hưng tộ diêm trường ức vạn xuân. Có nghĩa là: Đất Hồng Lam sau ta 500 năm sẽ là thời kỳ hưng thịnh ức vạn năm. Nguyễn Bình Khiêm sinh năm 1491, 500 năm sau là 1991, nước ta bước vào thời kỳ mới phát triển mới.

Đỗ Quốc Việt Anh (Thanh Hóa)

● Trước khi mất, Nguyễn Bình Khiêm để lại một phong thư, đặt trong một ống quyển gấn kín, dặn con cháu sau này nếu làm ăn sa sút, mang thư ấy đến gặp quan sở tại sẽ được cứu giúp.

Đến đời thứ bảy, người cháu là Thời Dương nghèo khổ, nhớ lời truyền đem phong thư đến gặp quan sở tại. Quan đang nằm võng đọc sách, lật đật chạy ra đón thư. Vừa ra khỏi nhà, cái xà rơi xuống đúng chỗ võng. Mở thư ra xem: "Ngã cứu nhĩ thượng lương chi ách. Nhĩ cứu ngã thất thế chi tôn (Ta cứu người thoát khỏi ách xà rơi/ Người nên cứu cháu bảy đời của ta). Quan kinh ngạc, bèn giúp đỡ cháu bảy đời của Trạng tử tế.

Đến đời vua Minh Mệnh (1820-1840) trong dân gian lưu truyền một câu sấm: "Gia Long nhị đại, Vĩnh Lại vi vương" (đời thứ hai Gia Long, người Vĩnh Lại làm vua). Vua cảm giận sai Tổng đốc Hải Dương là Nguyễn Công Trứ đến phá đền thờ Trạng Trình. Khi quân lính tháo cây thượng lương, một cái hộp nhỏ giấu sẵn trong cây gỗ rơi xuống. Trong cái hộp có mảnh giấy ghi câu thơ của Trạng, cứ như đã biết trước mọi việc: "Minh Mệnh thập tứ/ Thăng Trứ phá đền/ Phá đền thì lại làm đền/ Nào ai cướp nước tranh quyền gì ai". Nguyễn Công Trứ vội ra lệnh dừng ngay việc phá đền, khẩn cấp tâu về triều đình, xin làm lại đền thờ Trạng Trình.

Nguyễn Hiền (Ngô Quyền, Hải Phòng)

● Hai câu: "Hà thời biện lại vi vương/ Thủ thời Bắc tận, Nam trường xuất bồn", nghĩa: "Làm sao lấy tên biện lại làm vua/ Lúc ấy Bắc cũng hết, Nam cũng chạy" chỉ Nguyễn Nhạc, biện lại vân đồn Quy Nhơn khởi xưng Tây Sơn vương. Nhà Tây Sơn nổi lên, diệt chúa Trịnh phương Bắc, đuổi chúa Nguyễn phương Nam dựng đế nghiệp.

Sáu câu: "Bao giờ trúc mọc qua sông/ Mặt trời sẽ lại đỏ hồng non Tây/ Đoàn cung một sớm đổi thay/ Chấn cung sao cũng sa ngay chẳng còn/ Đầu cha lộn xuống chân con/ Mười bốn năm tròn hết số thì thôi".

^=^ **Đặng Hoàng Hải** ^=^

hoanghai.dang@gmail.com – hoanghai85lc@yahoo.com

Tôn Sĩ Nghị chiếm Thăng Long, cho quân bắc cầu phao bằng tre qua sông Hồng Hà, Nguyễn Huệ xưng Quang Trung Hoàng đế đại phá quân Thanh. Đoàn cung là phương tây, phận dưới, chỉ Nguyễn Huệ mất; sau đó Nguyễn Nhạc mất - Chấn cung. Câu 5 chỉ hai vua Quang Trung và vua Cảnh Thịnh. Theo chiết tự chữ Quang có chữ Tiểu ? trên - chữ Cảnh có chữ Tiểu ? dưới thành ra: đầu cha lộn xuống chân con. Câu 6 nhà Tây Sơn làm vua được 14 năm là hết.

Nguyễn Bản (Hà Nội)

Nguyễn Bình Khiêm

Nguyễn Bình Khiêm (1491-1585) người làng Trung Am, huyện Vĩnh Lại (nay là xã Cổ Am, huyện Vĩnh Bảo, ngoại thành Hải Phòng) có trí tuệ thông minh bẩm tiệp từ nhỏ. Ông để lại cho hậu thế nhiều tác phẩm thơ văn có giá trị, mang tính triết học cao, xứng đáng là "cây đại thụ", nhà học giả, triết gia của thế kỷ 16.

Nguyễn Bình Khiêm sinh năm 1491, mất năm 1585, người làng Trung Am, huyện Vĩnh Lại (nay là xã Cổ Am, huyện Vĩnh Bảo, ngoại thành Hải Phòng). Sinh trưởng trong một gia đình vọng tộc (cháu ngoại quan thượng thư Nhữ Văn Lan) có học vấn, cả hai thân mẫu đều là những người có văn tài học hạnh nên Nguyễn Bình Khiêm từ sớm đã hấp thụ truyền thống gia giáo kỷ cương. Nhất là phụ mẫu của Nguyễn Bình Khiêm, tương truyền bà là người giỏi giang văn tài và tinh thông địa lý, tướng số. Ngay từ khi Nguyễn Bình Khiêm cất tiếng khóc chào đời, thấy con mình có tướng mạo khác thường, bà đã dốc lòng đào tạo con trai thành một tài năng giúp nước, cứu đời. Niềm thôi thúc đó khiến Nguyễn Bình Khiêm sớm tìm được thầy học có đạo cao đức cả là cụ bảng nhãn Lương Đắc Bằng. Với trí tuệ bẩm tiệp, thông minh từ nhỏ, lại gặp thầy giỏi khác nào như rồng gặp mây. Nguyễn Bình Khiêm sớm thành tài năng kiệt xuất nổi tiếng. Và sau này, tài học uyên thâm của ông đã vượt xa thầy. Tương truyền Lương Đắc Bằng là người giỏi lý học, đã đem sách Thái Ất thần kinh ra dạy cho học trò, nhưng có những điều trong sách ấy Lương Đắc Bằng cũng không hiểu được mà chỉ có Nguyễn Bình Khiêm sau này mới tinh thông.

Lớn lên trong một giai đoạn lịch sử nhà Lê suy thoái, các phe phái trong triều đổ kỵ, chém giết lẫn nhau. Năm 1572, Mạc Đăng Dung cướp ngôi nhà Lê lập ra một triều đại mới. Thế là suốt cuộc đời thanh niên trai trẻ, Nguyễn Bình Khiêm phải sống trong ảm đạm, không thi thố được tài năng. Mãi tới năm 1535. Lúc này đã 45 tuổi, ông mới đi thi. Ba lần thi Hương, thi Hội, thi Đình ông đều đỗ đầu và đỗ Trạng nguyên. Từ đây, ông làm quan với tân triều, nhà Mạc phong chức Tả thị lang (chức đứng hàng thứ ba trong bộ Hình). Triều đình nhà Mạc rất trân trọng Nguyễn Bình Khiêm. Ông hy vọng triều đại nhà Mạc có thể xây dựng lại đất nước. Lúc này, Mạc Đăng Dung đã nhường ngôi cho con là Mạc Đăng Doanh và rút về làm Thái thượng hoàng. Doanh là người tỏ ra có chí khí đảm lược. Nguyễn Bình Khiêm, một nhà học giả uyên thâm, một trí thức dân tộc đã nhìn thấy điều đó. Và ông hy vọng: với nhân vật này, triều đại mới có thể đưa đất nước thoát khỏi tình trạng rối ren mà vua tôi nhà Lê và các tập đoàn phong kiến trước đó gây ra.

Nhưng niềm tin đó bị thất vọng. Là một học giả, học rộng biết nhiều, trong thơ ông hay nhắc tới sự thăng trầm "*thương hải biến vi tang điền*" (biển xanh biến thành nương dâu)

^=^ Đặng Hoàng Hải ^=^

hoanghai.dang@gmail.com – hoanghai85lc@yahoo.com

của trời đất, tạo vật và cuộc đời trôi nổi như "phù vân". Ông thương xót cho "vận mệnh" quốc gia và cảm thông sâu sắc tình cảnh của "dân đen", "con đỏ". Ông thật sự mong muốn đất nước thịnh vượng, thái bình. Tương truyền, hình như để tránh những cuộc binh đao khói lửa, tương tàn cho chúng dân và nhìn thấy trước thời cuộc, "vận mệnh" của đất nước trong hoàn cảnh ấy chưa thể có những lực lượng đảm đương được việc thống nhất, nên khi các tập đoàn phong kiến đến hỏi kế sách, ông đều bày cho họ những phương sách khác nhau để giữ thế "chân vạc". Năm 1568, Nguyễn Hoàng thấy anh là Nguyễn Ưông bị Trịnh Kiểm sát hại, lo cho "số phận" nên đã ngầm cho người hỏi kế an thân, Nguyễn Bình Khiêm nói: "*Hoành sơn nhất đái, vạn đại dung thân*" (ngụ ý nói: Dựa vào một dải Hoành sơn có thể lập nghiệp được lâu dài). Thế là Nguyễn Hoàng tức tốc xin anh rỏ là Trịnh Kiểm cho vào trấn thủ đất Thuận Hóa (từ Đèo Ngang trở vào).

Tại Thăng Long, thời ấy chúa Trịnh cũng ra sức ức hiếp vua Lê và muốn phế bỏ, liền cho người hỏi ý kiến Nguyễn Bình Khiêm. Ông không trả lời và lảng lảng dẫn sứ giả ra thăm chùa và nói với nhà sư: "*Giữ chùa thờ Phật thì ăn oán*", ngụ ý muốn khuyên chúa Trịnh cứ tôn phò nhà Lê thì quyền hành tất giữ được. Nếu tự ý phế lập sẽ dẫn đến binh đao. Còn đối với nhà Mạc, sau những cuộc chiến tranh liên miên, phải bỏ chạy lên Cao Bằng thế thủ, vua Mạc cho người về hỏi ý kiến Nguyễn Bình Khiêm, ông đã trả lời: "*Cao Bằng tuy thiên, khả diên số thế*" (Cao Bằng tuy đất hẹp, nhưng có thể giữ được vài đời). Quả nhiên, mãi đến năm 1688, sau ba đời giữ đất Cao Bằng, nhà Mạc mới bị diệt. Các truyền thuyết trên đây muốn chứng tỏ rằng Nguyễn Bình Khiêm là người có tài tiên đoán, đo nắm được bí truyền của sách Thái âm thần kinh. Và lại còn truyền thuyết nữa về Trạng Trình với tập Trình quốc công sấm ký. Tương truyền trong tập sách đó, ông đã tiên tri và biết trước các sự việc nhân tình thế thái, thời cuộc xảy ra "năm trăm năm sau". Thực, hư thế nào, còn là vấn đề cần phải nghiên cứu khẳng định hay phủ định của các nhà học giả Việt Nam sau này để trả lại giá trị xứng đáng cho Nguyễn Bình Khiêm. Đương nhiên, một điều cần khẳng định: Nguyễn Bình Khiêm thật sự là nhà học giả "*thượng thông thiên văn, hạ tri địa lý, trung tri nhân sự*" (trên trời hiểu thiên văn, dưới đất tường địa lý, ở giữa hiểu con người).

Nguyễn Bình Khiêm đã để lại cho hậu thế những tác phẩm văn thơ có giá trị như: Tập thơ Bạch Vân (gồm hàng trăm bài thơ chữ Hán còn lưu lại) và hai tập: Trình quốc công Bạch vân thi tập và Trình quốc công Nguyễn Bình Khiêm thi tập hay còn gọi là Bạch Vân quốc ngữ thi (với hàng trăm bài thơ chữ Nôm). Thơ Nguyễn Bình Khiêm giàu chất liệu hiện thực, mang tính triết lý sâu xa của thời cuộc. Ông phê phán gay gắt bọn tham quan ô lại hút máu, hút mỡ của dân. Thơ ông còn truyền đạt cho đời một đạo lý đối nhân xử thế, đạo vua tôi, cha con và quan hệ bầu bạn, hàng xóm láng giềng. Đọc thơ ông là thấy cả một tấm lòng lo cho nước, thương đời, thương dân, và một tâm hồn suốt đời da diết với đạo lý: "*Tiên thiên hạ chi ưu phi ưu, hậu thiên hạ chi lạc nhi lạc*" (lo trước cái lo của thiên hạ, vui sau cái vui của thiên hạ). Vì thế khi về ở ẩn, ông vẫn mở trường dạy học, mong đào tạo cho đời những tài năng "kinh bang tế thế". Học trò của ông cũng có người trở thành danh tướng, Trạng nguyên như: Phùng Khắc Khoan, Lương Hữu Khánh, Nguyễn Quyền...

^=^ Đặng Hoàng Hải ^=^

hoanghai.dang@gmail.com – hoanghai85lc@yahoo.com

Có thể nói ở thế kỷ 16, Nguyễn Bình Khiêm là nhà triết học lớn của Việt Nam. Tư tưởng triết học của ông "*không bận tâm đi vào xu hướng duy lý...*" đi tìm khái niệm bản thể luận như Lão Tử, như triết học Phật giáo hay cái phóng nhiệm nhiều lúc đến nguy biến của Trang Tử. Ông hiểu sâu sắc triết học Tống Nho nhưng không đi vào sự câu nệ vụn vặt, không lý giải quá sâu cái lý, có khi rắc rối, hoặc chẻ sợi tóc làm tư để tìm hiểu, biện giải nhiều thứ mơ hồ rối rắm trong những khái niệm hỗn tạp đó. Với sự uyên thâm vốn có, ông được triều đình nhà Mạc và sĩ phu đương thời phong là Trình tuyền hầu, tức là một vị Hầu tước khơi nguồn dòng suối triết học của họ Trình (tức Trình Di, Trình Hiệt - hai nhà triết học khai phá ra phái Lạc Dương của Tống Nho), hoặc đời còn gọi ông là cụ Trạng Trình. Tuy vậy, triết học của ông là triết học đã được sống dậy, biểu hiện trong thơ như sự gợi ý mách bảo của cuộc sống thực tiễn. Ông chất lọc từ trong nhận thức triết học mà mình thu lượm được, phép biện chứng nhìn bên ngoài có vẻ như thô sơ để giải đáp nhiều hiện tượng tự nhiên và xã hội nảy sinh ở quanh mình. Trong thơ ông, ngoài mặt triết lý nhân sinh, nổi bật lên những suy ngẫm chiêm nghiệm, đúc kết như muốn vươn lên khái quát "luật" đời bằng những phạm trù triết học. Vì lẽ đó, ông rất hay dùng đến những cặp phạm trù đối lập như: đen - trắng, tốt - xấu, đầy - vơi, sinh - diệt, vuông - tròn, để giải bày quan niệm triết lý nhân sinh của mình.

Tuy nhiên, "*một hạn chế dễ nhận thấy trong tư tưởng triết học của Nguyễn Bình Khiêm là tuy nắm được phép biện chứng, nhưng vẫn nặng về duy tâm. Quan niệm về sự phát triển của ông còn nằm trong khung tròn khép kín chứ chưa phải là vòng tròn xoáy ốc. Đó là sự phát triển tuần hoàn, là cái phép biện chứng của Chu dịch... ông đã nhận được trong nền giáo dục Nho học đương thời, cộng với phép biện chứng thô sơ của Lão Tử trong Đạo đức kinh. Đó cũng là những hạn chế đương nhiên của rất nhiều nhà triết học cổ đại*" (Đào Thái Tôn).

Nhìn lại toàn bộ tiến trình lịch sử và con người thế kỷ 16, Nguyễn Bình Khiêm⁽¹⁾ xứng đáng là "cây đại thụ", nhà học giả, nhà triết gia của thế kỷ. Nhà nghiên cứu Nguyễn Phúc Giác Hải cho biết, ông và một số đồng nghiệp đã phát hiện tổng số 12 bia niên đại thế kỷ 16, 17 có hai tiếng Việt Nam. Ngoài ra, còn một bản in khắc gỗ từ năm 1752 cũng có danh xưng Việt Nam. Như vậy, hai tiếng Việt Nam đã có từ lâu, và theo ông Giác Hải, Nguyễn Bình Khiêm có thể là người đầu tiên sử dụng tên gọi này như quốc hiệu.

* Vì sao ông lại quan tâm đến vấn đề này?

- Nhà nghiên cứu Nguyễn Phúc Giác Hải: Cách đây nhiều năm, tôi tình cờ đọc được một thắc mắc đăng trên báo quốc hiệu Việt Nam có từ bao giờ. Câu hỏi tưởng chừng rất đơn giản nhưng tôi dám chắc phần lớn học sinh trung học, thậm chí đại học không trả lời được, vì đại đa số các sách giáo khoa của chúng ta không đề cập đến vấn đề này, còn tại sao thì xin dành cho các nhà biên soạn sách và các sử gia.

Ngay cuốn Lịch sử Việt Nam do Ủy ban Khoa học xã hội xuất bản năm 1976 cũng không hề nói tới điều này. Còn cuốn Bách khoa toàn thư Anh (1992) thì cho nhận định, hai tiếng Việt Nam bắt đầu từ thời Nguyễn do việc nhà Thanh bên Trung Hoa năm 1804 đã đảo

^=^ **Đặng Hoàng Hải** ^=^

hoanghai.dang@gmail.com – hoanghai85lc@yahoo.com

ngược hai chữ Nam Việt mà Gia Long đề nghị sắc phong năm 1802. Điều này quả cũng có thực. Trong cuốn chính sử nhà Nguyễn Đại Nam thực lục chính biên, đệ nhất ký có ghi lại sự kiện này.

* Chính sử thời ấy đã khá rõ ràng, vì sao ông, một nhà nghiên cứu về sinh học và ngoại cảm lại không bằng lòng với cách giải thích này?

- Năm 1974, khi công tác ở Viện Khoa học Việt Nam, tôi bắt đầu nghiên cứu về ngoại cảm, về khoa học dự báo và tôi có được đọc tập sách dự báo Sấm Trạng Trình, được coi là của Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm (1491-1585). Khi nghiên cứu tập sấm này, đến bản AB 444 trong kho sách của Viện Hán Nôm, tôi bắt đầu tìm thấy hai chữ Việt Nam ngay trong những dòng đầu tiên: Việt Nam khởi tổ xây nền. Theo quan niệm chính thống, hai chữ Việt Nam không được phép có mặt trước năm 1804, trong khi cụ Nguyễn Bình Khiêm lại sống cách ta 500 năm. Vấn đề đặt ra là có thật hai chữ Việt Nam đã được dùng cách đây hơn 500 năm để chỉ tên gọi đất nước? Trước Nguyễn Bình Khiêm còn những ai đã dùng danh xưng Việt Nam? Liệu có những bằng chứng khảo cổ về vấn đề này? Song lúc đó không có điều kiện tiếp xúc với bản gốc nên phải tạm gác lại. Đến 1980, khi được tiếp xúc với bản gốc, tôi đã dành hơn 20 năm nay để nghiên cứu. Theo Lịch triều hiến chương loại chí của Phan Huy Chú (thế kỷ 19), thì từ thời nhà Trần, tiến sĩ Hồ Tông Thốc đã viết bộ sách Việt Nam thế chí. Cuốn Du địa chí của Nguyễn Trãi, trong thế kỷ 15 cũng đã nhiều lần nhắc đến hai tiếng Việt Nam. Song đáng tiếc, Việt Nam thế chí không còn nữa, chỉ còn được dẫn bài tựa trong Lịch triều hiến chương loại chí; còn Du địa chí chỉ được khắc ván in ở thế kỷ 19 khi đã có quốc hiệu Việt Nam rồi, những bản trước không có niên hiệu rõ ràng.

* Ông có thể nói rõ hơn về quá trình tìm kiếm nguồn gốc tên gọi đất nước?

- Sau khi đọc được bản gốc Sấm Trạng Trình, tôi đã khẳng định được hai tiếng Việt Nam đã được sử dụng từ thế kỷ 15. Song bản sấm này được truyền lại qua những bản chép tay, cũng không ai dám chắc tác giả là cụ Nguyễn Bình Khiêm. Tôi liền chuyển qua tra cứu thơ văn của cụ để so sánh. Thật bất ngờ, hai tiếng Việt Nam được cụ nhắc tới bốn lần: Trong tập thơ Sơn hà hái động thường vịnh (Vịnh về núi non sông biển) đã đề cập tới. Rõ hơn, trong các bài thơ gửi trạng Giáp Hải, cụ có viết: "Tuệ tinh cộng ngưỡng quang mang tại, Tiên hậu quang huy chiếu Việt Nam"; còn trong bài gửi trạng Nguyễn Thuyên, "Tiền đồ vĩ đại quân tu ký / Thùy thị công danh trọng Việt Nam".

Dấu sao, đó cũng mới chỉ là những văn bản chép tay. Để khẳng định thêm, tôi đã đi tìm trong bi ký (bài ký trên bia đá). Nhờ một số nhà khoa học Viện Hán Nôm, tôi đã tìm ra trong bia trùng tu chùa Phúc Thánh (Quế Võ, Bắc Ninh) năm 1664, phần bài Minh có câu Việt Nam cảnh giới, Kinh Bắc thừa tuyên. Sau đó là bia trùng tu chùa Bảo Lâm (Chí Linh, Hải Dương) năm 1558, Việt Nam đại danh lam bất tri kỳ cơ, bia chùa Cam Lộ (Hà Tây), năm 1590, Chân Việt Nam chi đệ nhất. Tuy nhiên, phát hiện quan trọng nhất là tấm bia Thủy Môn Đình ở biên giới Lạng Sơn do trấn thủ Lạng Sơn Nguyễn Đình Lộc soạn năm Cảnh Trị thứ tám (1670), có câu: Việt Nam hầu thiết trấn bắc ải quan (Cửa ải phía Bắc Việt Nam). Đây là tấm bia có niên đại muộn hơn song nó có danh tính người soạn,

^^ Đặng Hoàng Hải ^^

hoanghai.dang@gmail.com – hoanghai85lc@yahoo.com

hơn nữa đây là một mệnh quan triều đình, là phát ngôn chính thức.

Cho đến nay, sau tôi một số nhà nghiên cứu khác đã phát hiện tổng số 12 bia có hai tiếng Việt Nam. Tất cả đều có niên đại thế kỷ 16, 17. Ngoài ra, còn một bản in khắc gỗ có danh xưng Việt Nam năm 1752. Như vậy, hai tiếng Việt Nam đã có từ lâu, và cụ Nguyễn Bình Khiêm là người đầu tiên sử dụng, sử dụng nhiều nhất và có ý thức nhất.

* Theo những nghiên cứu của ông, có thể lý giải vì sao Nguyễn Bình Khiêm là người đầu tiên sử dụng hai tiếng Việt Nam?

- Dân tộc ta bắt nguồn từ một bộ tộc Việt trong Bách Việt - chỉ tất cả các dân tộc phía nam Trung Hoa. Trong toàn bộ lịch sử, ta luôn dùng từ việt, để chỉ dân tộc và đất nước ta. Song cha ông ta cũng dùng từ "Nam" với ý nghĩa tương tự. Bài thơ Thần-tuyên ngôn độc lập đầu tiên, Lý Thường Kiệt viết: Nam quốc sơn hà nam đế cư. Từ Nam được dùng với nghĩa phương Nam để đối lại với phương Bắc (Trung Quốc). Trong thế kỷ 18, danh y Tuệ Tĩnh khi viết bộ sách khảo cứu về cây thuốc nước ta, lấy tên là Nam dược thần hiệu. Ngày nay ta vẫn nói thuốc nam-thuốc bắc.

Vì sao có thể coi Nguyễn Bình Khiêm là người đầu tiên sử dụng Việt Nam như là quốc hiệu? Thế kỷ 15, nhà Mạc cướp ngôi nhà Lê ở nước ta, nhà Minh bên Trung Quốc lấy cớ đem quân can thiệp. Nhà Mạc đầu hàng, Đại Việt lúc đó bị biến thành một quận của Trung Quốc, không còn quốc hiệu. Mạc Đăng Dung được nhà Minh phong làm An Nam đô sứ ty. Trên thực tế Mạc Đăng Dung vẫn là vua một nước, để vừa đối phó với triều đình phương Bắc, vừa an dân, tên nước được gọi là Việt Nam. Lúc ấy, Nguyễn Bình Khiêm là học giả đứng đầu cả nước, nên nhiều khả năng ông đặt ra cách gọi này.

Do Trịnh Trách được coi là một nhà tiên tri lỗi lạc, cũng có người muốn thần bí hóa bằng cách giải thích: Do nhìn thấy trước việc nhà Thanh phong vương cho Gia Long và gọi nước ta là Việt Nam nên ông đã gọi trước tên nước là Việt Nam để tránh sự lúng túng cho hậu thế: Tên gọi là do ngoại quốc áp đặt. Trên thực tế, vài chục năm sau, nhà Nguyễn để tránh bị phụ thuộc đã đổi tên nước là Đại Nam.

Dù giải thích thế nào, thì quốc hiệu Việt Nam cũng được Trịnh Trách sử dụng đầu tiên, nhiều nhất và có ý thức nhất. Từ nguồn gốc này, lịch sử quốc hiệu đất nước không còn phụ thuộc vào hai triều đại phong kiến nữa.

* Nhân đây, ông có thể giải thích thế nào là quốc danh, quốc hiệu?

- Các tên gọi Văn Lang, Vạn Xuân, Đại Việt... đều được các sử gia sử dụng làm quốc hiệu. Còn các học giả xưa vẫn viết "Ngã Việt quốc, ngã Nam nhân" (Nước Việt ta, người Việt ta). Hai tiếng Việt Nam, qua các thư tịch cổ thì mới chỉ là quốc danh, song rất hạn chế. Sau Cách mạng Tháng Tám 1945, tên gọi Việt Nam chính thức thành tên gọi đất nước (quốc danh). Hiến pháp 1946 viết "Nước Việt Nam là một nước theo chế độ dân chủ cộng hòa". Như vậy, Việt Nam dân chủ cộng hòa mới trở thành quốc hiệu, đến nay 1976 quốc hiệu này được đổi thành Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

^=^ **Đặng Hoàng Hải** ^=^

hoanghai.dang@gmail.com – hoanghai85lc@yahoo.com

Nguyễn Phúc Giác Hải, nhà sinh học trở thành chủ nhiệm môn Khoa học Dự báo

Xuất thân là dân sinh vật học, sau khi ra trường, Nguyễn Phúc Giác Hải về dạy ở Trường Bồ túc văn hóa Trung ương, Trường Trung cấp sư phạm Trung ương, năm 1964, ông về Viện Khoa học Việt Nam nghiên cứu di truyền học.

Sau thời gian nghỉ việc tới năm 1990 ông trở lại Viện Khoa học Việt Nam (nay là Trung tâm Khoa học tự nhiên và Công nghệ quốc gia), làm đúng công việc từng khiến ông phải ra đi: Nghiên cứu ngoại cảm. Hiện giờ, Nguyễn Phúc Giác Hải đang là chủ nhiệm bộ môn Khoa học Dự báo (Dự báo học) thuộc Trung tâm Nghiên cứu tiềm năng con người. "Tôi phải cảm ơn số phận, nhờ có 14 năm long đong, tôi có điều kiện tự do nghiên cứu những gì mình thích. Nếu như cuộc đời cứ bình lặng, có lẽ tôi đã đi sâu nghiên cứu về di truyền, làm vài công trình, rồi bảo vệ luận án... Nếu không đi sâu tìm hiểu về ngoại cảm, có lẽ tôi đã không đọc sấm trạng Trình và cũng chẳng tìm ra nguồn gốc hai tiếng Việt Nam và cũng chẳng dính dáng gì đến Khoa học Dự báo" - ông tâm sự.

Còn một năm nữa, ông sẽ bước sang tuổi "cổ lai hy". Ông đang chạy đua với thời gian để hoàn chỉnh bốn nghiên cứu mới của mình: Mã số vũ trụ; Những vấn đề bí ẩn về hoạt động của bộ não; kinh dịch dưới ánh sáng của khoa học; Dự báo học và những nhà tiên tri xuyên thế kỷ. Còn trước mắt, ông sẽ cho ra đời cuốn sách "Đi tìm cội nguồn tên gọi đất nước: Hai tiếng Việt Nam có từ bao giờ?"

THÀNH LÂN thực hiện
(Báo Đại đoàn kết)

Đầu năm nói chuyện **Sấm ký**

Nguyễn Quý Đại Munich

“Mỗi năm hoa đào nở
Lại thấy ông đồ già
Bày mực tàu giấy đỏ
Trên phố đông người qua..
(Vũ Đình Liên)

Tất cả sự vật, luôn biến đổi theo chu kỳ của thời gian và không gian, Một năm bốn mùa Xuân Hạ Thu Đông luân chuyển, dù tính theo Dương hay Âm lịch, để trọn một năm 12 tháng. Theo Âm lịch mỗi năm đều được thay đổi bởi một con vật cầm tinh cho năm đó. Năm 2002 là Nhâm ngọc, ở vào tuổi ngũ niên trải qua ít nhất 3 lần năm Ngọ. Các năm: Giáp ngọc (1955), Bính ngọc (1966) Mậu ngọc (1978). Tính theo Thập Nhị Địa Chi (12 con Giáp) không biết bao nhiêu đổi thay, Trải qua những năm dài chiến tranh, hạn hán mất mùa..tù (cải tạo), di tản, vượt biên ..

Nhìn lại quá khứ những ngày cuối năm (trước 1975), các tiệm sách bày bán nhiều loại lịch, sách tử vi, bói toán, xem ngày tốt xấu, cưới hỏi. Vì mọi người mong muốn một năm mới được đổi thay, thịnh vượng hơn. Muốn biết vận mệnh của mình ra sao? vài ba ngày

Allrights reserved by Rosea

HD110506033

<http://danghoanghai.999.org>